TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2018/HS-ST.
Ngày 11-10-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Trưởng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Hoài Hiêm;

Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyện - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 9 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Đồng Thị N, sinh năm 1990, tại tỉnh Tiền Giang; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: Ấp P, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn H và bà Nguyễn Thị X; có chồng (đã ly hôn) và 01 con; tiền sự, tiền án: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giữ từ ngày 02/02/2018 đến ngày 14/02/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

Bị hại:

Công ty TNHH H; địa chỉ: Đường số 4, Khu chế xuất và công nghiệp L, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Võ Văn H, sinh năm 1955, địa chỉ ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh là đại diện theo ủy quyền của bị hại (Văn bản ủy quyền ngày 10/9/2018). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 40 phút ngày 25/01/2018, tại cổng Công ty TNHH H (Sau đây viết tắt là Công ty H), địa chỉ: Đường số 4, Khu chế xuất và công nghiệp L, xã A, huyện T, bảo vệ trực cổng kiểm tra xe ô tô tải biển số: 51C- 857.XX chở hàng hóa ra cổng do Hà Tiến H điều khiển thì phát hiện 08 kiện vải không có phiếu xuất kho nên lập biên bản và trình báo Công an.

Qua làm việc Đồng Thị N khai nhận: N là tổ trưởng kho của Công ty H. Ngày 24/01/2018, N điện thoại liên lạc với Huỳnh Văn T (tên gọi khác: H1) là Giám đốc Công ty TNHH V (sau đây viết tắt là Công ty V), yêu cầu T đến ngày 25/01/2018 cho người đến Công ty H chở 06 kiện vải về cắt viền theo hợp đồng. T đề nghị N lấy mấy kiện vải tồn của Công ty bán cho T để cắt viền lấy lộc đầu năm, N đồng ý. Sau đó, N nói với Phạm Văn Y là công nhân làm chung bộ phận kho tìm vải tồn để cho anh T, Y đồng ý và cùng N tìm trong kho xưởng 2 của Công ty H thì phát hiện 08 kiện vải màu các loại. Khoảng 09 giờ, ngày 25/01/2018, Hà Tiến H là tài xế của Công ty V điều khiển xe ô tô tải biển số: 51C- 857.XX đến Công ty H, N bảo Y đem 06 kiện vải theo hợp đồng, 08 kiện vải màu các loại và 05 bịch nylon đã qua sử dụng chất lên xe ô tô tải của H. Sau khi chất hàng xong, N làm giấy tờ xuất kho và lấy số seal giao H niêm phong thùng xe. Khi H điều khiển xe ô tô chở hàng hóa ra cổng thì bị phát hiện như trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 27 ngày 27/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xác định: 08 kiện vải màu các loại có giá trị 16.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại Cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng đã truy tố bị cáo Đồng Thị N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đồng Thị N từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 48 tháng về tội "Trộm cắp tài sản".

Bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Ghi nhận Công ty H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người làm chứng, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận như sau: Vào khoảng 09 giờ 40 phút, tại Công ty H thuộc Khu chế xuất và công nghiệp L, xã A, huyện T, Đồng Thị N lợi dụng sơ hở của người quản lý, đã lén lút chiếm đoạt 08 kiện vải màu các loại có tổng giá trị 16.500.000 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của tổ chức được pháp luật bảo vệ. Xuất phát từ mục đích tư lợi cá nhân, bị cáo đã bất chấp pháp luật làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần lên một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để có tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt có xem xét đến tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại xong. Đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị giảm nhẹ cho bị cáo. Do đó, bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, nên không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù mà cho hưởng án treo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Đối với Huỳnh Văn T khai chỉ xin N vài mét vải để cắt viền lấy lộc đầu năm, không yêu cầu N lấy trộm tài sản của Công ty để bán cho T; Phạm Văn Y đã giúp N tìm các kiện vải tồn nhưng không biết mục đích của N là lấy trộm; Hà Tiến H là người điều khiển xe ô tô tải chở hàng nhưng không biết N đã chất lên xe 08 kiện vải không có phiếu xuất kho để đem ra ngoài Công ty nên không đủ cơ sở xử lý hình sự đối với Huỳnh Văn T, Phạm Văn Y và Hà Tiến H.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý vật chứng như sau:

- Ghi nhận Công ty H đã nhận lại 08 kiện vải màu các loại.

- 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy J7, màu vàng hồng số Imei 1: 353236078358093 của bị cáo N dùng vào việc phạm tội cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đồng Thị N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ghi nhận Công ty H đã nhận lại 08 kiện vải màu các loại.

Tuyên tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy J7, màu vàng hồng số Imei 1: 353236078358093.

3. Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đồng Thị N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng đại diện hợp pháp của bị hại thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TA tỉnh Tây Ninh;
- VKS H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Văn Trưởng